

Số: 23 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá;  
bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá,  
tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, thiết kế, đóng mới, cải hoán, sửa chữa, bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đăng kiểm viên tàu cá* là người có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các tiêu chuẩn và được cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá để thực hiện đăng kiểm tàu cá theo quy định của pháp luật.

2. *Đăng kiểm tàu cá, tàu kiểm ngư* là hoạt động quản lý kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư, thẩm định hồ sơ thiết kế và thực hiện giám sát an toàn kỹ thuật trong đóng mới, cải hoán, hàng năm, trên đà, định kỳ, bất thường, sửa chữa

phục hồi tàu cá, tàu kiểm ngư, nhằm bảo đảm an toàn kỹ thuật cho tàu hoạt động trong điều kiện nhất định.

3. *Giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư* là việc kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của thân tàu, máy tàu, hệ động lực, trang thiết bị an toàn, trang thiết bị khai thác, trang thiết bị xử lý, phân loại, chế biến, bảo quản sản phẩm lắp đặt trên tàu cá, tàu kiểm ngư với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành.

4. *Đóng mới tàu cá, tàu kiểm ngư* là quá trình thực hiện thi công đóng tàu từ khi đặt sống chính (ky) hoặc bước thi công tương tự đến khi bàn giao đưa tàu vào khai thác.

5. *Cải hoán tàu cá, tàu kiểm ngư* là việc sửa chữa làm ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật của tàu (thay đổi kích thước cơ bản, thay đổi máy chính, công dụng, vùng hoạt động của tàu).

6. *Sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu kiểm ngư* là việc sửa chữa, thay thế nhằm đưa tàu trở về trạng thái kỹ thuật ban đầu mà không làm ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật của tàu.

7. *Mẫu tàu cá truyền thống (mẫu dân gian)* là mẫu tàu cá được sử dụng lâu năm ở địa phương, được xây dựng thành mẫu tàu cá dưới dạng hồ sơ thiết kế kỹ thuật và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố.

8. *Đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản* là việc thực hiện quản lý Nhà nước đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản nhằm xác lập quyền sở hữu và nghĩa vụ của chủ tàu.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

#### **Điều 4. Hạng đăng kiểm viên tàu cá**

Đăng kiểm viên tàu cá được phân thành 03 hạng, như sau:

1. Đăng kiểm viên hạng III.
2. Đăng kiểm viên hạng II.
3. Đăng kiểm viên hạng I.

#### **Điều 5. Đăng kiểm viên hạng III**

1. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên hạng III:

a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến tàu cá, tàu biển, điện, nhiệt lạnh, chế tạo máy hoặc chế tạo trang thiết bị lắp đặt trên tàu;

b) Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương;

c) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản;

d) Có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng III;

đ) Có thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại cơ sở đăng kiểm tối thiểu là 01 năm đối với người có trình độ cao đẳng; 06 tháng đối với người có trình độ đại học trở lên.

2. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng III:

Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật hàng năm các loại tàu cá theo chuyên môn được đào tạo.

**Điều 6. Đăng kiểm viên hạng II**

1. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên hạng II:

a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến tàu cá, tàu biển, điện, nhiệt lạnh, chế tạo máy hoặc chế tạo trang thiết bị lắp đặt trên tàu;

b) Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương;

c) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản;

d) Đã được cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng III và có thời gian thực hiện công tác đăng kiểm tàu cá liên tục ít nhất là 3 năm đối với người có trình độ đại học; ít nhất 5 năm đối với người có trình độ cao đẳng;

đ) Có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng II.

2. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng II:

Ngoài nhiệm vụ như đăng kiểm viên tàu cá hạng III, đăng kiểm viên tàu cá hạng II thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Thẩm định thiết kế kỹ thuật đóng mới, cải hoán, phục hồi, thiết kế thi công, thiết kế hoàn công tàu cá, máy móc, trang thiết bị lắp đặt lên tàu cá theo chuyên môn được đào tạo;

b) Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, bất thường các loại tàu cá theo chuyên môn được đào tạo;

c) Kiểm tra, giám sát chế tạo vật liệu, máy móc và trang thiết bị lắp đặt lên tàu cá.

**Điều 7. Đăng kiểm viên hạng I**

1. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên hạng I:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến tàu cá, tàu biển, điện, nhiệt lạnh, chế tạo máy hoặc chế tạo trang thiết bị lắp đặt trên tàu;

b) Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương;

c) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản;

d) Đã được cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng II và có thời gian thực hiện công tác đăng kiểm tàu cá liên tục ít nhất là 3 năm;

đ) Có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I.

## 2. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng I:

Ngoài các nhiệm vụ như đăng kiểm viên tàu cá hạng II, đăng kiểm viên tàu cá hạng I tham gia giám định kỹ thuật, xác định nguyên nhân tai nạn đối với tàu cá.

## **Điều 8. Bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá**

1. Tổng cục Thủy sản là đơn vị tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá.

2. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và tiêu chuẩn giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cá nhân đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá phải nộp các giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 01.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có);

c) 02 ảnh màu (3 x 4 cm).

4. Cá nhân được cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này khi hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và đạt yêu cầu kiểm tra cuối khóa.

## **Điều 9. Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá**

1. Thẩm quyền cấp là Tổng cục Thủy sản.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 03.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I hoặc hạng II hoặc hạng III;

c) 02 ảnh màu (3 x 4 cm).

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (cổng thông tin một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax) nếu có;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tổng cục Thủy sản kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Tổng cục Thủy sản có văn bản thông báo rõ cho cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản quyết định cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 04.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; Trường hợp không cấp, Tổng cục Thủy sản trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Tổng cục Thủy sản trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

4. Thẻ đăng kiểm viên tàu cá có thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp. Thẻ đăng kiểm viên được cấp lại trong trường hợp hết hạn hoặc bị mất, bị hư hỏng.

### **Điều 10. Thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá**

1. Đăng kiểm viên tàu cá bị thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Làm giả các hồ sơ để được cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá;
- b) Lập không biên bản kiểm tra, cố ý làm sai lệch kết quả kiểm tra kỹ thuật;
- c) Không tuân thủ quy trình kiểm tra hoặc quy định tại quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá, tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn có liên quan.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá đối với các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Đăng kiểm viên tàu cá vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này chỉ được xem xét cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi.

## **Chương III**

### **CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

#### **Điều 11. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá**

1. Thẩm quyền cấp là Tổng cục Thủy sản.

2. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 01.CN Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Danh mục cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật;
- c) Danh sách đăng kiểm viên tàu cá;
- d) Bản sao Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu